TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa bà A và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Bé
Ông Đinh Ngọc Dình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ A, sinh năm 1986 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp 4, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2021 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, chung sống hạnh phúc khoảng 10 (mười) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Bà A xác định: Nghề nghiệp của bà là công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Văn T có hai người con chung tên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2015, hiện tại do bà đang nuôi dưỡng. Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung có tên nêu trên. Khi khởi kiện bà A yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng tại phiên tòa bà A không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, bà A xác định: Giữa bà và ông T có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 3 năm 2022, người con chung có tên Nguyễn Phương T xác định: Khi cha mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Lệ A và ông Nguyễn Văn T ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Lệ A.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ A và nơi cư trú của ông Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn T đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[3] Bà Nguyễn Thị Lệ A và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Lệ A và ông Nguyễn Văn T nhưng ông T vắng mặt. Việc ông T vắng mặt thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A. Bà A xác định bà không còn tình cảm với ông T, bà A giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông T. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông T đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà A và ông T có hai người con chung có tên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày 03 tháng

8 năm 2015, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung là phù hợp với nguyện vọng của người con chung có tên là Nguyễn Phương T. Mặt khác, hai người con chung đang sống cùng với bà A nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý. Do đó, giao cho bà A được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung. Bà A không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các người con chung có tên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2015; Vì lợi ích của người con chung, bà A, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà A, ông T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà A xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Lệ A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ A về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ A được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ A được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2015, hiện bà A đang nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai người con chung có tên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2011 và Nguyễn Phương Q, sinh ngày

03 tháng 8 năm 2015, bà A cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông T thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Lệ A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Văn T.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà A, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà A, ông T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007658 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được trừ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nôi nhaän*:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
-Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diệp Song Tiền